TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-PT
Ngày: 08-6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLPT-DS ngày 04/5/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 03/3/2022 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ Kiều G, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Khu phố Y, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L là bị đơn.

(Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tôn Nữ Kiều G trình bày:

Ngày 26/01/2013, bà Nguyễn Thị L có vay của bà số tiền 38.000.000đ, không lãi suất. Hai bên thỏa thuận đúng 01 tuần sau, tức đến ngày 03/02/2013 bà L phải trả lại cho bà số tiền này. Việc vay tiền và thỏa thuận thời hạn trả nợ giữa hai bên không lập giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến. Đến hạn trả nợ (tức ngày 03/02/2013), bà L không trả tiền cho bà như đã cam kết nên bà và bà L đã thống nhất: Bà L viết giấy xác nhận có nợ của bà số tiền 38.000.000đ và phải trả lãi hàng tháng cho bà. Sau đó, mặc dù bà đã nhiều lần gặp bà L để đòi tiền gốc và lãi nhưng bà L không đồng ý trả. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho bà số tiền 38.000.000đ nợ gốc và 39.000.000đ nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 03/5/2021 và tại phiên tòa, bà G không thừa nhận việc bà L có trả lãi 2.000.000đ/tháng và cấn trừ 04 bức tượng gỗ trị giá 6.000.000đ cho bà, bà yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 38.000.000đ và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 03/02/2013 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm và buộc bà L phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật nếu bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thừa nhận vào năm 2013 bà có vay của bà G số tiền 38.000.000đ như bà G trình bày là đúng. Việc vay mượn tiền giữa hai bên không lập giấy tờ gì và thỏa thuận hàng tháng bà sẽ trả cho bà G 2.000.000đ tiền lãi. Sau đó, bà đã thực hiện việc trả lãi cho bà G theo đúng như thỏa thuận từ năm 2013 cho đến tháng 6/2018 và đã cấn trừ cho bà G 04 bức tượng gỗ trị giá 6.000.000đ, tuy nhiên vì tin tưởng lẫn nhau nên bà không làm giấy tờ gì về việc bà trả lãi cho bà G cũng như cấn trừ 04 bức tượng gỗ.

Từ tháng 7/2018 đến nay, do công việc làm ăn gặp khó khăn nên bà không trả được tiền lãi và gốc cho bà G. Nay bà G yêu cầu bà phải trả 38.000.000đ nợ gốc thì bà đồng ý. Riêng đối với khoản nợ lãi 39.000.000đ mà bà G yêu cầu bà phải trả thì bà không đồng ý trả vì bà G không đưa ra được căn cứ để tính ra số tiền lãi là 39.000.000đ như đã yêu cầu. Đối với việc bà G thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu áp dụng mức lãi suất cho vay là 10%/năm thì bà không đồng ý và đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện S quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 688, 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Kiều G.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Tôn Nữ Kiều G số tiền nợ vay là 72.502.860đ *(Bảy mươi hai triệu năm trăm không hai nghìn tám trăm sáu mươi đồng)* bao gồm: Nợ gốc: 38.00.000đ và nợ lãi: 34.502.860đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên thi hành án, lãi suất chậm trả khi thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/3/2022, bà Nguyễn Thị L kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 03/3/2022 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần tính lãi của bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 03/3/2022 của Toà án nhân dân huyện S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/3/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đối với bản án số 01/2022/DS-ST ngày 03/3/2022 của Toà án nhân dân huyện S. Xét thấy, đơn kháng cáo của bà L còn trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G, bà L có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần tính lãi của bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà G và bà L đều thừa nhận bà L có vay của bà G 38.000.000đ, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải trả cho bà G số tiền 38.000.000đ là có căn cứ. Đối với số tiền lãi, tại giai đoạn phúc thẩm, bà G và bà L đã thỏa thuận được với nhau về số tiền lãi cụ thể: Bà G chỉ yêu cầu bà L phải trả 17.000.000đ tiền lãi (tính từ năm 2013 đến ngày xét xử sơ thẩm) và bà L đồng ý trả 17.000.000đ tiền lãi theo yêu cầu cầu của bà G, như vậy tổng số tiền bà L phải trả cho bà G là 55.000.000đ. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm [cách tính: (38.000.000đ + 17.000.000đ) x 5%].

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 03/3/2022 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng: Các điều 280, 357, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 148, 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Tôn Nữ Kiều G số tiền 55.000.000đ *(Năm mươi lăm triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Bà Tôn Nữ Kiều G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà G số tiền 1.925.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020143 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005827 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Ninh Thuận. (Bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2022).

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện S (1);
- Chi cục THADS huyện S (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Dịu